

Trường Đại Học Mở - Địa chất
Phòng Đào tạo Đại học
-oOo-

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Kỹ thuật địa chất (7520501)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
Học Kỳ Thứ 1						
1	7010102	Đại số tuyến tính	4	60		
2	7010103	Giải tích 1	4	60		
3	7010304	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3	45		
4	7010601	Tiếng Anh 1	3	45		
5	7010701	Giáo dục thể chất 1	1	15		
6	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	30		
7	7020104	Pháp luật đại cương	2	30		
Học Kỳ Thứ 2						
1	7010104	Giải tích 2	4	60		
2	7010202	Thí nghiệm vật lý 1	1	15		
3	7010204	Vật lý đại cương 1	4	60		
4	7010403	Hình họa và vẽ kỹ thuật + BTL	3	45		
5	7010602	Tiếng Anh 2	3	45		
6	7010702	Giáo dục thể chất 2	1	15		
7	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45		
Học Kỳ Thứ 3						
1	7010120	Xác suất thống kê	3	45		
2	7010703	Giáo dục thể chất 3	1	15		
3	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
4	7040107	Địa chất đại cương	3	45		
5	7040230	Nhập môn ngành kỹ thuật địa chất	3	45		
6	7040301	Địa hóa	2	30		
7	7040303	Khoáng vật học + TH	3	45		
Học Kỳ Thứ 4						
1	7040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	3	45		
2	7040305	Thạch học + TH	4	60		
3	7040509	Đất xây dựng + TH	3	45		
4	7040607	Địa chất thủy văn đại cương +TN	3	45		
5	7040616	Thực tập địa chất thủy văn	1	15		
6	7050525	Trắc địa đại cương +TH	3	45		
7	7300102	Đường lối quân sự của Đảng	3	45		
Học Kỳ Thứ 5						
1	7040128	Thực tập Địa chất Đại cương	2	30		
2	7040209	Địa chất khoáng sản + TH	4	60		
3	7040515	Địa chất động lực công trình	3	45		
4	7040527	Thực tập địa chất công trình	1	15		
5	7060107	Địa vật lý Đại cương +TH	3	45		
6	7300101	Công tác quốc phòng - an ninh	3	45		
7	7040504	Cơ học đất	2	30	7520501_02	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Kỹ thuật địa chất (7520501)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
Học Kỳ Thứ 6						
1	7020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		
2	7040213	GIS và viễn thám	3	45		
3	7040620	Vận động của nước dưới đất	3	45		
4	7300201	Quân sự chung và chiến thuật	5	75		
5	7040201	Các phương pháp điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản + TH	3	45	7520501_01	Địa chất
6	7040503	Cơ học đá	2	30	7520501_02	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật
7	7040524	Nền và móng	2	30	7520501_02	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật
8	7040602	Các phương pháp điều tra, đánh giá tài nguyên nước	3	45	7520501_03	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình
9	7040606	Đề án thiết kế điều tra, đánh giá tài nguyên nước	3	45	7520501_03	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình
10	7040221	Ngọc học và các phương pháp chế tác đá quý	2	30	7520501_04	Nguyên liệu khoáng
11	7040201	Các phương pháp điều tra, đánh giá tài nguyên khoáng sản + TH	3	45	7520501_05	Địa chất thăm dò
Học Kỳ Thứ 7						
1	7040241	Toán ứng dụng trong nghiên cứu địa chất	3	45		
2	7060426	Kỹ thuật khoan	2	30		
3	7040234	Phương pháp thăm dò mỏ	3	45	7520501_01	Địa chất
4	7040513	Địa chất công trình chuyên môn	3	45	7520501_01	Địa chất
5	7040602	Các phương pháp điều tra, đánh giá tài nguyên nước	3	45	7520501_01	Địa chất
6	7040501	Các PP nghiên cứu và khảo sát địa chất công trình	4	60	7520501_02	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật
7	7040517	Đồ án địa chất công trình	2	30	7520501_02	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật
8	7040513	Địa chất công trình chuyên môn	3	45	7520501_03	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình
9	7040518	Đồ án môn học địa chất công trình	1	15	7520501_03	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình
10	7040618	Thủy địa hóa	2	30	7520501_03	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình
11	7040222	Nguyên liệu khoáng cho công nghiệp gốm sứ và vật liệu chịu lửa	2	30	7520501_04	Nguyên liệu khoáng
12	7040223	Nguyên liệu khoáng cho công nghiệp luyện kim	2	30	7520501_04	Nguyên liệu khoáng
13	7040224	Nguyên liệu khoáng cho công nghiệp xi măng	2	30	7520501_04	Nguyên liệu khoáng
14	7040227	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất đá xây dựng	2	30	7520501_04	Nguyên liệu khoáng
15	7040229	Nguyên liệu khoáng và công nghệ sản xuất thủy tinh	2	30	7520501_04	Nguyên liệu khoáng
16	7040208	Địa chất khai thác mỏ	3	45	7520501_05	Địa chất thăm dò
17	7040232	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2	30	7520501_05	Địa chất thăm dò
18	7040235	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4	60	7520501_05	Địa chất thăm dò
Học Kỳ Thứ 8						
1	7040519	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520501_01	Địa chất
2	7040528	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520501_01	Địa chất
3	7040520	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520501_02	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật
4	7040529	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520501_02	Địa chất công trình - Địa kỹ thuật
5	7040611	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520501_03	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Kỹ thuật địa chất (7520501)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
6	7040617	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520501_03	Địa chất thủy văn - Địa chất công trình
7	7040212	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520501_04	Nguyên liệu khoáng
8	7040237	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520501_04	Nguyên liệu khoáng
9	7040211	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7520501_05	Địa chất thăm dò
10	7040236	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7520501_05	Địa chất thăm dò

Ngày.....tháng.....năm.....